

Bản án số: **37/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 06-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Hồng Giang;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hạng Minh Thu và bà Nguyễn Thị Nhung.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/02/2025 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX-ST ngày 01/4/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Phương T**, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, phường T, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh **Lý Đức C**, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, phường H, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T trình bày: Chị và anh Lý Đ Chung kết hôn năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh C được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh C thường xuyên uống rượu và đi qua đêm không về nhà, không quan tâm đến vợ con, không hỗ trợ kinh tế nuôi đẻ con chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị T đã bỏ nhà về ở với bố mẹ đẻ của mình tại tổ G, phường T, thành phố T từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một con chung tên là Lý Gia B, sinh ngày 25/10/2024, hiện cháu B đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện

vọng xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 11/02/2025, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lý Đức C trình bày: Anh và chị Phạm Thị Phương T kết hôn ngày 08/4/2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, tuy có một số mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn, anh đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nuôi dạy con chung. Còn việc chị T tự ý bỏ nhà về sống với mẹ đẻ của mình tại phường T là do trong thời gian nghỉ dưỡng thai sản. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn, mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh C nhất trí như lời trình bày của chị T, anh C không nhất trí ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, tổ chức nhiều phiên hòa giải để các bên đương sự quay về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con chung, nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn, còn anh C không nhất trí ly hôn, do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung Lý Gia B cho chị được nuôi dưỡng, vì cháu B còn nhỏ mới được 06 tháng tuổi, hiện tại chị T đang có chỗ ở ổn định và có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn có thể hàn gắn được chưa đến mức phải ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết không cho chị T ly hôn. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, anh C đề nghị xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, xác định đây là vụ kiện về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại thành phố T, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các

Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ, nên việc xét xử vụ án không có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T và bị đơn anh Lý Đức C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T ngày 08/4/2024, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với bố, mẹ đẻ anh C được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên đi uống rượu về muộn, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chính anh C cũng thừa nhận điều này và cho biết lý do phải uống rượu là do tiếp khách và đối tác làm ăn, kinh doanh, nên thường xuyên về muộn trong đêm, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt không hàn gắn được, vợ chồng đã phải sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay, mặc dù mâu thuẫn trên đã được hai gia đình hoà giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, điều này đã được các đương sự thừa nhận. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung, nhưng chị T kiên quyết xin được ly hôn, trong khi đó anh C không nhất trí ly hôn, nhưng lại không đưa ra được các biện pháp để cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, thuyết phục chị T quay trở về đoàn tụ gia đình.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị T có ý kiến, nếu Toà án giải quyết không cho chị ly hôn, chị T cũng không quay về sống chung với anh C, một mình xin được nuôi con. Anh C có ý kiến, nếu Toà án giải quyết cho chị T ly hôn anh C cũng nhất trí, nhưng với điều kiện phải được nuôi con chung, điều này càng khẳng định chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự xác định có một con chung tên là Lý Gia B, sinh ngày 25/10/2024. Đến nay cháu B mới được 06 tháng tuổi lại đang sống với chị T, do vậy cần giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T. Chị Phạm Thị Phương T được ly hôn anh Lý Đức C.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung Lý Gia B, sinh ngày 25/10/2024 cho chị Phạm Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Lý Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000732 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, anh C, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND P. Trưng Vương, TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Hồng Giang

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Vương Hồng G